

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 125/2015/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 15 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

SỞ TƯ PHÁP KIÊN C Về quy định phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Số: 2270
ĐẾN Ngày: 29/7/2015
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 51/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân có hàng hóa, phương tiện sử dụng tại cảng cá.

3. Mức thu

Thực hiện theo Biểu mức thu phí sử dụng cảng cá đính kèm nghị quyết này.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

a) Cơ quan thu phí được trích để lại 90% trên tổng số tiền phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải chi phí cho việc thu phí, phần còn lại 10% nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách.

b) Tổ chức, cơ quan hoặc đơn vị được ủy quyền thu phí phải niêm yết và công khai mức thu áp dụng thống nhất tại quầy thu ngân nơi trực tiếp thu phí.

Điều 2. Thời gian thực hiện

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua và thay thế Nghị quyết số 69/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. / *luu*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Website Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh và tương đương;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo VP, các phòng, CVNC;
- Lưu: VT, laluc.

**KT. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC**



Lưu Thị Ngọc Sương



BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG CẢNG CÁ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 125/2015/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đối với tàu, thuyền đánh cá cập cảng	Đồng/01 lần vào hoặc ra cảng (thời gian neo, đậu tối đa không quá 24 giờ)	
	- Công suất dưới 20CV		8.000
	- Công suất từ 20CV đến 50CV		15.000
	- Công suất trên 50CV đến 90CV		30.000
	- Công suất trên 90CV đến 200CV		50.000
	- Công suất trên 200CV		80.000
2	Đối với tàu, thuyền vận tải cập cảng	Đồng/01 lần vào hoặc ra cảng (thời gian neo, đậu tối đa không quá 24 giờ)	
	- Có trọng tải dưới 05 tấn		15.000
	- Có trọng tải từ 05 tấn đến 10 tấn		30.000
	- Có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn		80.000
	- Có trọng tải trên 100 tấn		130.000
3	Đối với phương tiện vận tải ra vào cảng	Đồng/01 lần vào hoặc ra cảng (thời gian neo, đậu tối đa không quá 24 giờ)	
	- Xe máy, xe xích lô, xe ba gác chở hàng		2.000
	- Phương tiện vận tải có trọng tải dưới 01 tấn		10.000
	- Phương tiện vận tải có trọng tải từ 01 tấn đến 2,5 tấn		15.000
	- Phương tiện vận tải có trọng tải trên 2,5 tấn đến 05 tấn		25.000
	- Phương tiện vận tải có trọng tải trên 05 tấn đến 10 tấn		30.000
	- Phương tiện vận tải có trọng tải trên 10 tấn		40.000
4	Đối với hàng hóa qua cảng		
	- Hàng thủy, hải sản, động vật tươi sống	Đồng/tấn	20.000
	- Hàng hóa là Container	Đồng/container	70.000
	- Hàng hóa khác	Đồng/tấn	8.000